

**UBND XÃ BÌNH TUYỀN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 481/CV-QLDA

V/v niêm yết công khai trên
cổng thông tin của UBND xã
Bình Tuyền, tỉnh Phú Thọ.

Bình Tuyền, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Văn phòng HĐND và UBND xã Bình Tuyền.

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 và các Văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Thực hiện theo quy định Khoản b Điều 9 Điều 3 Nghị quyết số 254/2025/NQ-QH15 quy định "Thời hạn niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã là 10 ngày. Thời hạn tổ chức đối thoại trong trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là không quá 30 ngày kể từ ngày tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư".

Để đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Ban quản lý dự án xã đề nghị Văn phòng HĐND và UBND xã Bình Tuyền đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã, về việc niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án phần 1: Bồi thường GPMB phục vụ ĐTXD Đường từ ĐT.310B kết nối đường Đ3 thuộc thôn Thanh Lanh, xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên (nay là xã Bình Tuyền, tỉnh Phú Thọ) tại thôn Ba Gò, xã Bình Tuyền, tỉnh Phú Thọ.

(Các biểu phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án kèm theo)

Ban quản lý dự án xã đề nghị Văn phòng HĐND và UBND xã Bình Tuyền quan tâm phối hợp thực hiện để dự án triển khai đúng tiến độ. /*Đ*.

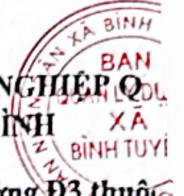
Nơi nhận:

- Như kg;
- UBND xã (B/c);
- Lưu: VP-QLDA.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Đức Lợi



**BIỂU 01: THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB ĐẤT NÔNG NGHIỆP Q
I, ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÔNG CÓ GIẤY TỜ VỀ QSD ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH**

**Dự án: Thành phần 1: Bồi thường GPMB phục vụ ĐTXD Đường từ ĐT.310B kết nối đường Đ3 thuộc
thôn Thanh Lan, xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên (nay là thôn Thanh Lan, xã Bình Tuyền, tỉnh Ph
Thọ)**

(Kèm theo Biên bản niêm yết ngày 24 tháng 8 năm 2026)

STT	Nội dung	Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú
		DVT	Đơn giá		
A	Đất nông nghiệp Nhà nước giao; Đất nông nghiệp không có giấy tờ về QSD đất đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất				
1	Thu hồi dưới 10%				
	Bồi thường về đất	đ/m ²	95.000	95.000	NQ số 85/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ
	Bồi thường hoa màu	đ/m ²	12.333	12.333	Theo thông báo số 613/TB-UBND ngày 12/5/2026
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (5 lần giá đất)	đ/m ²	475.000	475.000	
	Hỗ trợ ổn định đời sống theo nhân khẩu	Khẩu	1.440.000	1.440.000	
2	Thu hồi từ 10% đến dưới 20%				
	Bồi thường về đất	đ/m ²	95.000	95.000	NQ số 85/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ
	Bồi thường hoa màu	đ/m ²	12.333	12.333	Theo thông báo số 613/TB-UBND ngày 12/5/2026
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (5 lần giá đất)	đ/m ²	475.000	475.000	
	Hỗ trợ ổn định đời sống theo nhân khẩu	Khẩu	1.920.000	1.920.000	
3	Thu hồi từ 20% đến dưới 30%				
	Bồi thường về đất	đ/m ²	95.000	95.000	NQ số 85/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ

STT	Nội dung	Đơn giá		Thành tiền	Ghi chú
		DVT	Đơn giá		
	Bồi thường hoa màu	đ/m ²	12.333	12.333	Theo thông báo số 613/TB-UBND ngày 12/5/2026
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (5 lần giá đất)	đ/m ²	475.000	475.000	
	Hỗ trợ ổn định đời sống theo nhân khẩu	Khẩu	2.400.000	2.400.000	
3	Thu hồi từ 30% đến dưới 70%				
	Bồi thường về đất	đ/m ²	95.000	95.000	NQ số 85/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ
	Bồi thường hoa màu	đ/m ²	12.333	12.333	Theo thông báo số 613/TB-UBND ngày 12/5/2026
	Hỗ trợ chuyển đổi nghề (5 lần giá đất)	đ/m ²	475.000	475.000	
	Hỗ trợ ổn định đời sống theo nhân khẩu	Khẩu	2.880.000	2.880.000	
B	Đất nông nghiệp không có giấy tờ về QSD đất không đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất				
1	Thu hồi dưới 10%				
	Bồi thường về đất	đ/m ²	95.000	95.000	NQ số 85/2025/NQ-HĐND ngày 30/12/2025; Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Phú Thọ
	Bồi thường hoa màu	đ/m ²	12.333	12.333	Theo thông báo số 613/TB-UBND ngày 12/5/2026

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Lan Phương

NGƯỜI SOÁT

Trương Ngọc Sơn Ôn Văn Tình

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Lợi

BIỂU 02: PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB ĐẤT NÔNG NGHIỆP NHÀ NƯỚC GIAO,
ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÔNG CÓ GIẤY TỜ VỀ QSD ĐẤT CỦA HỘ GIA ĐÌNH
Dự án: Thành phần 1: Bồi thường GPMB phục vụ ĐTXD Đường từ DT.310B kết nối đường Đ3 thuộc thôn Thanh Lan, xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên
(nay là thôn Thanh Lan, xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ)
Địa điểm: Thôn Ba Gò - xã Bình Xuyên - tỉnh Phú Thọ
(Kèm theo Biên bản niêm yết ngày 24 tháng 7 năm 2026)

STT	Tên chủ sử dụng đất	Số CCCD	Thông tin hồ sơ địa chính						Thông tin theo minh trích địa chính thu hồi và giao đất			Diện tích thu hồi (m ²)						Số khẩu	Tổng DT đang sử dụng	Tỷ lệ % DT/H	Bồi thường, hỗ trợ về đất: 95.000đ/m ²	Bồi thường hoa màu 12.333đ/m ²	Hỗ trợ CCN 475.000đ/m ²	Hỗ trợ ăn định cư đất ở	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
			Số thửa	Số thửa	Tổng DT	Xo đồng	Loại đất	Nguồn gốc đất thu hồi	Số thửa	Số thửa	DT (m ²)	Tổng DT	Trong chi giới	Ngoài chi giới	Trong đó											
															Quy 1	Thửa	Đất không có giấy tờ về QSD đất									
Thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Hỗ trợ ổn định đời sống: 30kg gạo *16.000đồng/tháng*3 tháng = 1.440.000đồng/khẩu)											4.198,5	2.488,6	1.981,9	586,7	913,6	#NAME?	1.344,8	18,0	101.782,6		228.817.000	29.786.264	1.139.287.500	29.938.000	1.435.729.764	Đã hình thành khu tại Q số 1171 ngày 30/7/2026
1	Dương Thị Hiền	02617/30110/37	5	609	168,0	Cây dưới bán	LUK	Đất Nhà nước giao	2	405	205,4	205,4	138,3	67,1	168,0	37,4		3.926,7		19.513.000	2.533.198	97.565.000		119.611.198		
	Tổng				168,0					205,4	205,4	138,3	67,1	168,0	37,4		3.926,7	9,26%	19.513.000	2.533.198	97.565.000		119.611.198			
2	Luu Hồng Minh (Trương Thị Thanh - Hại)	02607/60901/03	5	448*	266,3	Cầu Thang	LUK	Đất Nhà nước giao	2	27	426,9	309,2	222,9	86,3	266,3	42,9		9,0	19.452,3		29.374.000	3.813.364	146.870.000	17.960.000	197.017.364	
			86	237	109,4	Mương Chín	LUK	Đất do cấp CCN QSD đất	2	237	109,4	109,4			109,4					10.393.000	1.349.230	51.965.000		63.707.230		
			86	424	1.771,2	Mương Chín	LUK	Đất do cấp CCN QSD đất	2	424	1.771,2	431,2	431,2			431,2				40.964.000	5.317.990	204.870.000		251.101.990		
	Tổng				2.146,9					2.307,5	849,8	763,5	86,3	266,3	42,9	540,6	9,0	19.452,3	4,4%	80.731.000	10.480.583	403.655.000	12.960.000	507.826.583		
1	Luu Văn Hương (Nằm)	02606/20092/14	86	319	95,3	Mương Chín	LUK	Đất do cấp CCN QSD đất	2	319	95,3	81,2		81,2			81,2		27.174,8	3,31%	7.714.000	1.001.440	38.570.000		47.285.440	Đã hình thành khu tại Q số 1171 ngày 30/7/2026
			86	353	169,9	Mương Chín	LUK	Đất do cấp CCN QSD đất	2	353	169,9	90,4			90,4					8.588.000	1.114.903	42.940.000		52.642.903		
	Tổng				265,2					265,2	171,6		171,6			171,6		27.174,8	3,31%	16.302.000	2.116.343	81.510.000		99.928.343		
1	Luu Văn Hây (Luu Văn Thang - Sinh)	02607/30015/18	5	446	181,6	Cầu Thang	LUK	Đất Nhà nước giao	2	61	397,9	167,3	55,6	111,7	167,3			3,0	8.958,7	1,87%	15.893.500	2.063.311	79.467.500	4.320.000	101.744.311	
			86	235	246,4	Mương Chín	LUK	Đất do cấp CCN QSD đất	2	235	246,4	241,3	5,1			246,4	2,0				23.408.000	3.038.851	117.040.000	2.880.000	146.366.851	
	Ngô Thị Úa (Nguyễn Thị Thánh - Tự)	02617/30034/14	86	198	10,1	Mương Chín	LUK	Đất không do cấp CCN QSD đất	2	198	10,1	10,1				10,1					959.500	124.563			1.084.063	
Tổng				256,5					256,5	256,5	251,4	5,1			256,5	2,0	8.993,9	4,2%	24.367.500	3.163.415	117.040.000	2.880.000	147.450.915			

STT	Tên chủ sở hữu đất	Số CCCD	Thông tin hồ sơ địa chính						Thông tin theo mẫu trích đo địa chính thu hồi và giao đất			Diện tích thu hồi (m ²)						Số thửa	Tổng DT đang sử dụng	Tỷ lệ % DT/H	Bãi thường, hỗ trợ về đất: 95.000đ/m ²	Bãi thường hoặc mẫu 12.333đ/m ²	Hỗ trợ CDM 475.000đ/m ²	Hỗ trợ ổn định đời sống	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ	Đã tính thuế tại QP số 1121 ngày 10/7/2021
			Số thửa	Tổng DT	Xếp hạng	Loại đất	Nguồn gốc đất thu hồi	Số thửa	Số thửa	DT (m ²)	Tổng DT	Trong chỉ giới	Ngoài chỉ giới	Trong đó												
														Quy 1	Thửa	tiền không có giấy tờ về QSD đất										
6	Trần Xuân Học (Trần Xuân Suối - Trương Đức Hân)		5	614	312,0	Mương Chìm Cuo	LƯC	Đất Nhà nước giao	2	604	381,9	381,9	335,0	46,9	312,0	69,9	-	9.096,8	9,2%	34.280.500	4.209.973	181.402.500	-	222.392.973		
7	Phạm Văn Cường (Hân) - Trương Đức Hân		04	628	141,1	Cây chuối bóng	LƯC	Đất do địa chủ GCN QSD đất	2	628	141,1	141,1	141,1	-	-	141,1	-	14.594,9	2,2%	13.404.500	1.740.186	67.022.500	-	82.167.186		
8	Lê Thị Văn (Phạm Văn Tâm)		06	156	226,4	Cầu Thang	LƯC	Đất do địa chủ GCN QSD đất	2	156	226,4	226,4	209,0	17,4	-	2.6,4	4,0	3.080,7	7,3%	21.508.000	2.792.191	107.540.000	5.760.000	117.600.191		
9	Vũ Xuân Bình (Vũ Xuân Tinh)	07007 70150 50	06	050	8,6			Đất do địa chủ GCN QSD đất	2	050	8,6	8,6	8,0	0,6	-	8,6	-	9.403,2	5,0%	817.000	100.064	4.085.000	-	5.008.064		
I	Thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Hỗ trợ ổn định đời sống: 30kg gạo * 16.000đồng/tháng*4 tháng = 1.920.000đồng/cháu)										2.352,4	1.946,5	1.603,8	342,7	601,1	53,5	1.311,1	12,0	-	-	184.917.500	24.896.185	924.587.500	23.940.000	1.164.551.185	
0	Nguyễn Thị Gấm	03515 50118 50	5	446	312,0	Cầu Thang	LƯC	Đất Nhà nước giao	2	89	332,5	9,1	9,1	-	-	9,1	-	8,0	2.076,8	-	864.500	112.230	4.322.500	15.360.000	20.659.230	
			06	180	160,4	Cầu Thang	LƯC	Đất do địa chủ GCN QSD đất	2	180	160,4	51,1	51,1	-	-	51,1	-	-	-	-	4.854.500	630.216	24.272.500	-	29.757.216	
			93	18	203,6	Cây chuối bóng	LƯC	Đất do địa chủ GCN QSD đất	2	18	203,6	203,6	126,3	77,3	-	203,6	-	-	-	-	19.342.000	2.510.999	96.710.000	-	118.562.999	
			06	185	160	Cầu Thang	ĐKK	Đất do địa chủ GCN QSD đất	2	185	160	27,3	27,3	-	-	27,3	-	-	-	-	2.593.500	336.691	12.967.500	-	15.897.691	
			Tổng		836,0					856,5	291,1	213,8	77,3	9,1	-	282,1	8,0	2.076,8	14,02%	27.654.500	3.590.136	138.272.500	15.360.000	184.877.136		
I	Dương Thị Năm (Tân - Lăng)	02617 00004 41	5	508	144,0	Mương Chìm	LƯC	Đất Nhà nước giao	2	288	158,0	158,0	127,1	30,9	144,0	14,0	-	1,0	-	-	15.010.000	1.948.614	75.050.000	1.920.000	93.928.614	
I	Dương Văn Vạn (Tân - Lăng)		5	448	528,0	Cầu Thang	LƯC	Đất Nhà nước giao	2	62	567,5	567,5	544,5	23,0	528,0	39,5	-	3,0	8.355,0	10,6%	53.912.500	6.998.978	249.562.500	5.760.000	336.233.978	
			76	702	156,7	Cầu Thang	LƯC	Đất do địa chủ GCN QSD đất	3	702	156,7	156,7	156,7	-	-	156,7	-	-	-	-	14.886.500	1.932.581	74.432.500	-	91.251.581	
	Tổng				684,7					724,2	724,2	701,2	23,0	528,0	39,5	116,7	3,0	-	-	68.799.000	8.931.559	343.995.000	5.760.000	427.485.559		

STT	Tên chủ sở hữu đất	Số CCCD	Thông tin hồ sơ địa chính						Thông tin thửa mảnh trích đo địa chính thửa hồi và giao đất			Diện tích thửa hồi (m ²)			Số thửa	Tổng DT đang sử dụng	Tỷ lệ % DT/H	Mất thường, hỗ trợ về đất: 95.000đ/m ²	Mất thường hoa màu 12.333đ/m ²	Hỗ trợ CDM 475.000đ/m ²	Hỗ trợ ăn định đm sống	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ				
			Số thửa	Số thửa	Tổng DT	Xử dụng	Loại đất	Nguyên nhân đất thu hồi	Số thửa	Số thửa	DT (m ²)	Tổng DT	Trong chỉ giới	Ngoài chỉ giới										Trong đó		
																								Quy 1	Thửa	Đất không có giấy tờ về QSD đất
13	Dương Thị Tư	026161000177	86	581	277,3	Mương Chím	LƯC	Đất do di cấp GCN QSD đất	2	581	277,3	132,6		132,6		6.181,0	14,1%	12.597.000	1.615.356	62.985.000		77.217.356	Đã tính khoản tại QĐ số 1121 ngày 30/7/2026			
14	Lưu Văn Sáu (Xoài) - Trương Đức Hậu		86	318	80,9	Mương Chím	LƯC	Đất do di cấp GCN QSD đất	2	318	80,9	80,9	2,0	78,9		5.878,2	11,2%	7.685.500	997.740	38.477.500		47.110.740	Đã tính khoản tại QĐ số 1121 ngày 30/7/2026, DT đã thu hồi 578,5m ²			
4	Phạm Quốc Việt (Chải) - Trương Đức Hậu		86	629	244,1	Cây dưới bóng		Đất do di cấp GCN QSD đất	2	629	244,1	244,1				244,1		5.205,4	11,8%	23.189.500	3.010.485	115.947.500		142.147.485	Đã tính khoản tại QĐ số 1121 ngày 30/7/2026, DT đã thu hồi 210,5m ²	
			86	605	160,1	Cây dưới bóng		Đất do di cấp GCN QSD đất	2	605	160,1	160,1	160,1				160,1			15.209.500	1.974.513	76.047.500		91.231.513		
			Tổng								404,2	404,2				404,2	5.205,4	0,1	38.399.000	4.984.999	191.995.000		235.378.999			
6	Lưu Văn Hai (Hồng) - Trương Đức Hậu		86	660	155,5	Cây dưới bóng		Đất do di cấp GCN QSD đất	2	660	155,5	155,5	155,5			155,5	4.455,2	16,49%	14.772.500	1.917.782	73.862.500		90.552.782	Đã tính khoản tại QĐ số 1121 ngày 30/7/2026, DT đã thu hồi 570,5m ²		
Thu hồi từ 20% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Hỗ trợ ổn định đời sống: 30kg gạo * 16.000đồng/tháng * 5 tháng = 2.400.000đồng/khẩu)												2.838,1	1.664,4	1.478,3	244,3	917,6	108,9	637,9	14,0	7.818,1	158.118.000	20.527.845	790.590.000	13.600.000	1.002.835.845	
7	Vũ Đình Chính (Đào Thị Bèo)	014048001912	5	461	288,0	Cầu Thang	LƯC	Đất Nhà nước giao	2	181	389,9	151,4	151,4	151,4		3,0			14.381.000	1.867.216	71.915.000	7.200.000	95.365.216			
9	Vũ Đình Chính (Đàn) - Trương Đức Hậu		5	504	264,0	Mương Chím	LƯC	Đất Nhà nước giao	2	257	264,6	27,2	27,2	27,2		2.419,8	20,5%	2.584.000	335.458	12.920.000		15.839.458				
			5	505	744,0	Mương Chím	LƯC	Đất Nhà nước giao	2	284	608,5	316,1	316,1	316,1				30.029.500	3.898.461	150.147.500		184.075.461				
			Tổng			1.008,0				873,1	343,3	343,3		343,3				32.613.500	4.233.919	163.067.500		199.914.919				
1	Huỳnh Thị Trâm (Lê Văn Bèo)	026148004393	5	343	62,9	Đồng Giang		Đất Nhà nước giao	3	382	226,1	121,0	121,0	62,9	58,1	7,0			11.495.000	1.492.291	57.475.000	16.800.000	87.762.291			
			5	463	360,0	Cầu Thang		Đất Nhà nước giao	2	154	410,8	410,8	410,8	360,0	50,8		3.312,2	21,4%	39.026.000	5.066.196	195.130.000		219.222.396			
			86	208	178,0	Mương Chím		Đất do di cấp GCN QSD đất	2	208	178,0	178,0	178,0			178,0			16.910.000	2.195.274	84.550.000		103.655.274			
Tổng			600,9					814,9	709,8	709,8		473,9	108,9	178,0	7,0		67.431.000	8.753.963	337.155.000	16.800.000	450.139.963					

S TT	Tên chủ sở hữu đất	Số CCCD	Thông tin hồ sơ dự án chính						Thông tin theo mảnh trích địa chính thu hồi và giao đất			Diện tích thu hồi (m ²)			Số thửa	Tổng DT đang có dự án	Tỷ lệ % DT/TTH	Hết thường, hết trợ về đất: 95.000đ/m ²	Hết thường hoa màu 12.333đ/m ²	Hết trợ CDPN 475.000đ/m ²	Hết trợ ăn định đói sống	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ	TỔNG CHỐT			
			Số thửa	Số thửa	Tổng DT	Xã/đồng	Loại đất	Nguyên nhân đất thu hồi	Số thửa	Số thửa	DT (m ²)	Tổng DT	Trong chỉ giới	Ngoài chỉ giới										Trong đó		
																								Quận I	Thửa	Diện không có giấy tờ về QSD đất
			BĐ	499	1.159,6	Mường Chím	LƯU	Đất do địa chủ OCN QSD đất	2	499	1.159,6	514,6	514,6	-	-	514,6			48.887.000	6.346.562	244.415.000	-	299.648.562			
			BĐ	463	599,5	Mường Chím	LƯU	Đất do địa chủ OCN QSD đất	2	463	599,5	599,5	599,5	-	-	599,5			54.952.500	7.393.614	284.762.500	-	349.108.614			
			BĐ	530	308,4	Mường Chím	LƯU	Đất do địa chủ OCN QSD đất	2	530	308,4	308,4	308,4	-	-	308,4			29.298.000	3.803.497	146.490.000	-	179.591.497			
	Tổng				3.043,3						3.043,3	3.708,9	2.494,7	314,2	-	-	2.708,9	4,0		257.345.500	33.408.864	1.286.727.500	11.520.000	1.589.091.864		
	Tổng cộng										13.554,8	9.658,7	8.259,3	1.399,4	3.061,2	8.239,2	49,0	119.371,7	0,0	917.576.500	119.120.747	4.583.085.000	96.968.000	5.716.742.247		

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Lan Phương

Nguyễn Thị Lan Phương

NGƯỜI SOÁT

Trương Ngọc Sơn

Trương Ngọc Sơn

Ôn Văn Tinh

Ôn Văn Tinh



BIỂU 03: PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG; BỔ SUNG BỒI THƯỜNG HOA MÀU

Dự án: Thành phần 1: Bồi thường GPMB phục vụ DTXD Đường từ DT.310B kết nối đường D3 thuộc thôn Thanh Lan, xã Trung Mỹ, huyện Bình Xuyên (nay là thôn Thanh Lan, xã Bình Xuyên, tỉnh Phú Thọ)

Địa điểm: Thôn Ba Gò, thôn Mỹ Khê - xã Bình Xuyên - tỉnh Phú Thọ

(Kèm theo Biên bản niêm yết ngày 24 tháng 8 năm 2026)



A. ĐIỀU CHỈNH HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG

S TT	Tên chủ sử dụng đất	SỐ CCCD	Số khẩu	Tổng DT đang sử dụng (m2)	Tổng DT thu hồi (m2)	Tỷ lệ % DTTH	Hỗ trợ ổn định đời sống (1)	Số tiền đã phê duyet Hỗ trợ ổn định đời sống (2)	Số tiền chênh lệch được hỗ trợ (3=1-2)	Ghi chú
I	Thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Hỗ trợ ổn định đời sống: 30kg gạo *16.000đồng/tháng*3 tháng = 1.440.000đồng/khẩu)									
1	Lưu Phú Cường (Lưu Văn Bình)	02608 60077 74	7	15.498,4	354,5	2,29%	10.080.000	1.440.000	8.640.000	Quyết định số 823/QĐ-UBND của UBND xã Bình Xuyên ngày 18/6/2026 - Thôn Mỹ Khê đã phê duyệt 1 khẩu *1.440.000đ/khẩu
II	Thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (Hỗ trợ ổn định đời sống: 30kg gạo *16.000đồng/tháng*4 tháng = 1.920.000đồng/khẩu)									
1	Lưu Văn Sáu (Xuân)	02606 60016 14	11	5.878,2	659,4	11,22%	21.120.000	15.840.000	5.280.000	Quyết định số 1121/QĐ-UBND của UBND xã Bình Xuyên ngày 30/7/2026 - thôn Ba Gò đã phê duyệt 11 khẩu *1.440.000đ/khẩu
2	Phạm Quốc Việt (Chắt)	03505 80005 61	5	5.205,4	614,7	11,81%	9.600.000	7.200.000	2.400.000	Quyết định số 1121/QĐ-UBND của UBND xã Bình Xuyên ngày 30/7/2026 - thôn Ba Gò đã phê duyệt 5 khẩu *1.440.000đ/khẩu
Tổng cộng			16				30.720.000	23.040.000	7.680.000	

B. BỔ SUNG BỒI THƯỜNG HOA MÀU

S TT	Tên chủ sử dụng đất	Số CCCD	Thông tin hồ sơ địa chính					Thông tin theo mảnh trích đo địa chính thu hồi và giao đất				Bồi thường hoa màu 12.333đ/m ²	Tổng tiền	
			Số tờ	Số thửa	Tổng DT	Xứ đồng	Loại đất	Số tờ	Số thửa	DT (m ²)	DT thu hồi			
1	Lưu Văn Đông (Đào)	02606 80062 32	54	11	693,9	Đỉnh Hồ	BHK	4	11	693,9	334,4	4.124.155	4.124.155	Bổ sung theo Quyết định số 823/QĐ-UBND của UBND xã Bình Tuyên ngày 18/6/2026 - Thôn Mỹ Khê

NGƯỜI LẬP

Thị Lan

Nguyễn Thị Lan
Phương

NGƯỜI SOÁT

Trương Ngọc Sơn

Trương Ngọc Sơn

Ôn Văn Tình

Ôn Văn Tình

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Đức Lợi